TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2024/HN - ST Ngày: 03 - 4 - 2024 "V/v Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Nhàn.
2. Bà Lê Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Mộng Cầm – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2023/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023. Về tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST – HN ngày 15 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Phượng H, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Phượng H trình bày: Bà với ông Nguyễn Văn G do mai mối, được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân và có tổ chức lễ cưới năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Nữ trang cưới có một đôi bông nặng 01 chỉ vàng 24Kra, 01 sợi dây chuyền nặng 05 chỉ vàng 24Kra và một lắc đeo tay nặng 01 chỉ vàng 24Kra; tất cả vợ chồng đồng ý bán để chi tiêu chung, hiện nay không còn.

Sau khi cưới thì bà về sống chung bên gia đình ông G để làm dâu, thời gian

đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, đi lại, quan hệ bạn bè, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, làm cho tình cảm không còn mặn nồng, gia đình không hạnh phúc và đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay không hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau được nữa, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

- *Về con chung*: Tên Nguyễn Thị Trúc N, sinh 28/5/2016 hiện đang sống với bà; khi ly hôn, bà H1 cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà H khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông Nguyễn Văn G vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại điện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tống đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Phan Thị Phượng H.

Về hôn nhân: Cho bà Phan Thị Phượng H được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Cho bà Phan Thị Phượng H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Trúc N, sinh 28/5/2016.

3. Về cấp dưỡng nuôi con do bà Phan Thị Phượng H không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

4. Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu phải trả: Không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

5. Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa bà bà Phan Thị Phượng H là nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt; ông Nguyễn Văn G là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự trong vụ án và quan điểm của Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông G. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ông G có nơi cư trú tại ấp M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[3] Bà H và ông G xác lập quan hệ hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 80/2014 ngày 08/8/2014. Từ đó xác định hôn nhân giữa bà H với ông G là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà H cho rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, đi lại, quan hệ bạn bè, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, làm cho tình cảm không còn mặn nồng, gia đình không hạnh phúc và đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay không hàn gắn được; năm 2022 bà H đã làm đơn khởi kiện ly hôn với ông G nhưng đã rút đơn để tạo điều kiện đoàn tụ nhưng không kết quả. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông G.

Căn cứ vào biên bản xác minh từ phía địa phương và người biết sự việc cung cấp thì cuộc sống vợ chồng bà H và ông G không hạnh phúc, cứ cự cãi nhau thường xuyên do ông G không lo làm ăn, không cùng bà H để lo cho gia đình và con cái. Bà H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và đã ly thân nhau cho đến nay, về phía ông G cũng không đến thăm con cũng như không hỗ trợ tiền để bà H lo cho con. Và tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà H cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông G không còn, hàn gắn không hạnh phúc. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa bà H với ông G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện ông không có thiện chí đoàn tụ, hàn gắn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Cho bà H và ông G được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Tên Nguyễn Thị Trúc N, sinh 28/5/2016 hiện đang sống với bà H; khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; xét thấy căn cứ vào lời khai thì nguyện vọng của cháu Trúc N muốn được tiếp tục sống với bà H. Do đó để đảm bảo tốt về điều kiện nuôi dưỡng cũng như phù hợp với nguyện vọng cháu Trúc N. Hội đồng xét xử xét thấy khi ly hôn giao bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trúc N là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H chưa đặt ra yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi cháu Trúc N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; 228; 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phượng H.

Về hôn nhân: Bà Phan Thị Phượng H và ông Nguyễn Văn G được ly hôn.

2. Về con chung: Tên Nguyễn Thị Trúc N, sinh 28/5/2016; khi ly hôn giao bà Phan Thị Phượng H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung; về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Phượng H có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân. Đối với số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017763 ngày 17 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long được khấu trừ số tiền án phí mà bà H có nghĩa vụ chịu, do đó bà H không phải nộp.

Ông Nguyễn Văn G không phải chịu án phí sơ thẩm.

" Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết ".

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Đức Mỹ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh